

Bản án số: 67/2024/HS-ST

Ngày: 18/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2024/TLST-HS ngày 22/8/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HS ngày 29/8/2024 đối với bị cáo:

Phù Quốc N, tên gọi khác: Nguyễn Cà M, sinh ngày 02/8/1974 tại A, Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Bá N1 (đã chết) và bà Phù Quốc N2; vợ: Nguyễn Thị Ngọc T (đã ly hôn) có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 01/9/2004 của Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo chưa thi hành án xong phần dân sự; tiền sự: 01 tiền sự; về nhân thân: Ngày 16/02/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 236/HSST), chấp hành xong bản án. Ngày 21/7/2003 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tại Bản án số 276/HSST ngày 21/7/2003). Ngày 01/9/2004, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 19/HSST, ngày 01/9/2004); tổng hợp hình phạt 02 bản án là 04 năm 06 tháng tù. Ngày 21/4/2009 bị Công an P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định xử phạt hành chính số tiền 350.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (theo Quyết định số 10718/QĐ-XPHC), đã nộp phạt xong. Ngày 19/11/2013 bị

Ủy ban nhân dân thị xã A ra Quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Tàng trữ và nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy” thời hạn 24 tháng (theo Quyết định số 2838/QĐ-UBND), bị cáo chấp hành xong. Ngày 10/6/2022 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng (Quyết định số 70/2022/QĐ-TA) đến ngày 17/10/2023 chấp hành xong. Ngày 18/3/2024 bị Ủy ban nhân dân Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 44/QĐ-QLNN), bị cáo bị quản lý tại Cơ sở cai nghiện ma túy Thanh thiếu niên B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/3/2024 đến ngày 17/5/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bắt bị can để tạm giam” bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/5/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt.

* *Bị hại:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Nguyễn Thị Bạch K, sinh năm 1982; địa chỉ: A Lô B, chung cư N, Phường A, Quận C, Thành phố H; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

- Trần Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Trương Chinh, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Lương Văn Thái B, sinh năm 1977; địa chỉ: 1 N, Phường C, Quận C, Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trước đây, Phù Quốc N có trú tại Tổ A, phường A, thị xã A nên có quen biết bà Phạm Thị H và biết bà H có sở hữu xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát 81A-119.18 đang làm dịch vụ cho thuê xe tự lái. N đã nhiều lần thuê xe ô tô nói trên của bà H để phục vụ nhu cầu cá nhân và trả đúng hạn. Vào ngày 03/6/2018 N tiếp tục thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-119.18 nói trên và lập hợp đồng thuê xe (tự lái) thỏa thuận thời hạn thuê xe là 60 ngày kể từ ngày 03/6/2018 (ngày 20/4/2018 âm lịch) với giá 500.000đ/ngày và bà H đã giao chiếc xe nói trên cho N. Vì đến ngày 03/8/2018 đã hết thời hạn theo hợp đồng thuê xe nhưng không thấy N mang xe về trả bà H đã gọi điện thoại cho N nhưng không liên lạc được nên bà H đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A vào ngày 03/8/2018 và nộp tài liệu chứng cứ là “Hợp đồng thuê xe (tự lái) lập ngày 20/4/2018 (Âm lịch)” có ký xác nhận giữa bà H và Phù Quốc N.

- Quá trình điều tra xác định: Sau khi thuê xe của bà Hậu N3 điều khiển xe vào thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết việc cá nhân, sau đó N3 đến chơi game bắn cá tại tiệm game do anh Lương Văn Thái B là nhân viên quản lý tiệm, có địa chỉ tại 1 N, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc chơi

game bắn cá trên máy N3 đã thua và nợ tiệm game số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lúc này, do không có tiền để trả nợ nên N3 đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 81A-119.18 đã thuê của bà H để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Thời điểm này chị Nguyễn Thị Bạch K cư trú: 012 Lô B, chung cư N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là nhân viên của tiệm đã đứng ra nhận cầm cố chiếc xe ô tô do N3 đề nghị cầm cố với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và viết giấy xác nhận việc cầm cố chiếc xe ô tô nói trên. Sau khi nhận số tiền 50.000.000đ, N3 đã trả cho cho tiệm game số tiền 30.000.000đ số còn lại 20.000.000đ N3 đã tiêu xài cá nhân hết. Vì đến thời hạn nhưng N3 không trả xe nên ngày 08/3/2018 bà H báo sự việc đến Công an thị xã A. Thời điểm này, Nguyên khai báo gian dối là xe bị tai nạn N3 đang sửa chữa nên không thể trả cho bà H được. Sau đó, N3 vào Thành phố Hồ Chí Minh sống lang thang đến đầu năm 2019 N3 về lại thị xã A đến gặp bà H thừa nhận chiếc xe ô tô biển kiểm soát 81A-119.18 đã thuê của bà H không có tai nạn mà N3 đang cầm cố tại Thành phố Hồ Chí Minh và dẫn bà H vào để bà H chuộc xe nhưng do bà H mang không đủ tiền nên không nhận xe được. Sau đó, chồng và con trai của bà H là ông Trương C và anh Trần Quốc D vào Thành phố Hồ Chí Minh và N3 đưa đến nơi cầm cố xe gặp chị K, ông C đã giao số tiền 50.000.000đ để chuộc lại chiếc xe ô tô nói trên. Sau khi đưa xe về thị xã A, bà H đã bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 81A-119.18 nói trên cho người sử dụng tại tỉnh Phú Yên, sau đó anh Nguyễn Minh N4, trú khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên mua lại và đã làm thủ tục sang tên và cấp biển số 78A-128.73 anh N4 sử dụng đến nay.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 187/KLĐGTS ngày 30/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Trị giá của xe ô tô con 04 chỗ biển kiểm soát 81A-119.18, số máy T18SED059697, số khung RLLANF43D4H005079, nhãn hiệu Daewoo, loại Lacetti CDX, màu sơn trắng, dung tích xi lanh 1799, sản xuất năm 2004 đã qua sử dụng; được xác định theo kết quả khảo sát giá thị trường, trị giá là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tại bản kết luận giám định số: 51/KL-KLGD ngày 12/01/2024 của Phòng K1, Công an tỉnh G kết luận như sau: “Chữ viết có nội dung “2-8- 1974” sau mục “**Sinh năm**”, chữ viết “93 Phan bội Châu” sau mục “**Địa chỉ:**” và chữ viết, chữ ký dưới mục “**ĐẠI DIỆN BIÊN B**” trên mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Phù Quốc N trên các mẫu so sánh **do cùng một người viết và ký ra**”.

- Tại Bản cáo trạng số: 64/CT-VKS ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Phù Quốc N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng số: 64/CT-VKS ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã mô tả và truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của bà Phạm Thị H trong hồ sơ thể hiện: Bà H là chủ sở hữu xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát 81A-119.18 để sử dụng để làm dịch

vụ cho thuê xe tự lái. Phù Quốc N cư trú gần nhà bà H và đã từng thuê xe của bà nhiều lần và trả lại xe đúng hạn. Vào ngày 20/4/2018 âm lịch tức ngày 03/6/2018 N có ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nói trên của bà, thời gian thuê xe là 60 ngày với giá tiền 500.000đ/ngày. Tuy nhiên, gần đến thời hạn trả xe bà H có gọi điện thoại để nhắc N trả xe đúng hạn nhưng không liên lạc được nên ngày 03/8/2018 bà H đã làm đơn trình báo toàn bộ sự việc. Đến khoảng năm 2019 N có thông báo với bà là N đã cầm cố xe ô tô của bà tại Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 50.000.000đ nên bà đã vào Thành phố Hồ Chí Minh chuộc lại xe nhưng được. Sau đó, chồng và con trai của bà là ông Trương C và anh Trần Quốc D cùng với Phù Quốc N đến nơi N đã cầm cố xe để chuộc xe về. Vì không sử dụng nên đã bán cho người khác sử dụng tại Phú Yên, bà H có làm đơn bãi nại cho Phù Quốc N. Số tiền bà H bỏ ra 50.000.000đ chuộc xe N chưa thành toán cho bà nhưng N không có thu nhập nên bà H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phù Quốc N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phù Quốc N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với người làm chứng tại phiên tòa. do đó đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phù Quốc N đã từng cư trú tại thị xã A và có biết bà Phạm Thị H cho thuê xe ô tô tự lái nên ngày 03/6/2018 (ngày 20/4/2018 âm lịch) bị cáo có ký Hợp đồng cho thuê xe (Tự lái) thuê chiếc xe ô tô con 04 chỗ biển kiểm soát 81A-119.18, nhãn hiệu Daewoo, loại Lacetti CDX, màu sơn trắng của bà Phạm Thị H, thời gian 60 ngày với giá tiền 500.000đ/ngày, kể từ ngày thuê. Sau đó, bị cáo điều khiển xe vào Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết việc cá nhân, sau khi xong công việc bị cáo có đến chơi game bắn cá tại tiệm game có địa chỉ 1 N, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và nợ số tiền 30.000.000đ. Vì không có tiền trả nên bị cáo mới nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô đã thuê của bà H tạm vài ngày để lấy tiền, trả nợ tiền chơi game và tiêu xài. Bị cáo đã thỏa thuận với nhân viên của tiệm game là chị Nguyễn Thị Bạch K để cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 81A-119.18 nói trên với số tiền 50.000.000đ và hẹn sẽ lấy lại xe sau vài ngày nên chị K đồng ý và giao số tiền 50.000.000đ bị cáo. Sau đó, bị cáo trả nợ tiệm game là

30.000.000đ số tiền còn lại 20.000.000đ bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau khi hết thời hạn thuê xe nhưng không có xe trả lại cho bà H và sợ bị xử lý nên đã khai báo gian dối với Công an thị xã A là chiếc xe thuê của bà H do bị tai nạn và đang sửa chữa tại tiệm sửa xe người tên “Nai” tại chung cư N, TP .. Nhưng thật sự chiếc xe đó bị cáo đã cầm cố cho chị K và lấy số tiền 50.000.000đ tiêu xài hết và sống lang thang tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2019 bị cáo về lại A và nói thật với bà H và báo địa chỉ nơi cầm cố chiếc xe để gia đình bà H chuộc chiếc xe về. Khi thuê chiếc xe ô tô của bà H bị cáo dùng để đi lại và chưa có ý định chiếm đoạt chiếc xe nói trên. Nhưng kể từ khi bị cáo chơi game và nợ tiền thì đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đã thuê của bà H, trị giá 150.000.000đ và đã cầm cố chiếc xe đó để lấy số tiền 50.000.000đ tiêu xài vào mục đích cá nhân nên không thể trả lại chiếc xe nói trên cho bà H theo thỏa thuận. Do đó, bị cáo Phù Quốc N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bà Phạm Thị H có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và hình phạt: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử cũng như nhiều lần bị xử lý hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để học tập, lao động giúp ích cho gia đình, xã hội mà bị cáo tiếp tục hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung, xét thấy, bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Thị Bạch K là nhân viên làm việc tại tiệm game đã cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Lacetti biển kiểm soát 81A-119.18 do Phù Quốc N đề nghị cầm cố. Chị K không biết chiếc xe nói trên do bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội mà có, khi cầm cố chiếc xe nói trên bị cáo nói với chị K chỉ cầm tạm vài ngày sẽ đến chuộc lại. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý chị K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[8] Về dân sự: Chiếc xe ô tô hiệu Lacetti biển kiểm soát 81A-119.18 bị cáo N đã cầm cố 50.000.000đ vào năm 2018 đến năm 2019 bà H đã bỏ ra số tiền 50.000.000đ chuộc chiếc xe về và đã bán chiếc xe nói trên cho người sử dụng tại tỉnh Phú Yên. Trong hồ sơ bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Phù Quốc N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phù Quốc N: 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giam (ngày 17/5/2024).

- Về án phí: Buộc bị cáo Phù Quốc N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (18/9/2024), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn